TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ
Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN , TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vĩnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Thanh Trường.
2. Bà Trần Thị Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Nho – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc: "*Ly hôn"*.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1969.
Địa chỉ: Khu 9, xã T Th, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Ông Đinh Văn B, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Khu L Đ, xã C Đ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Bà Phạm Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Vvà ông Đinh Văn B có sự tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1990, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, ông bà có đến Ủy ban nhân dân xã T Thđăng ký kết hôn, do thời gian đã lâu bà Vkhông nhớ có đăng ký được hay không, bà đã đến UBND xã T Thđể xin cấp lại giấy chứng nhận kết hôn nhưng tại sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã T Thvào năm 1990 không còn lưu trữ tên ông bà. Tại phiên tòa bà Vtrình bày, bà chỉ nhớ bà với ông B có đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng không nhớ có làm được không, từ ngày đó bà Vcũng không sử dụng đến Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên

không nhớ là có hay không. Về tình cảm, sau ngày cưới bà về làm dâu nhà ông B được 2 năm thì lại về nhà bố mẹ đẻ bà sinh sống, ông B cũng về ở cùng. Đến năm 1994 do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên ông B bỏ về nhà ở xã C Đ. Ông bà sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B, hoặc tuyên bố bà và ông B không phải là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đinh Văn B cũng công nhận việc kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như bà Vtrình bày là đúng, ông B cũng chỉ nhớ có đến UBND xã T Thđể dăng ký kết hôn nhưng không nhớ lúc đó có đăng ký được hay không. Nay bà Vxin ly hôn và đề nghị Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng thì ông B cũng hoàn toàn đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, ly hôn để giải phóng cho nhau, sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Vvà ông Đinh Văn B xác nhận ông bà có 01 con chung là chị Đinh Thị Th – Sinh ngày 24/3/1991, hiện nay con chung đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng. Ly hôn, bà Vvà ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Bà Phạm Thị Vvà ông Đinh Văn B đều khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà V, ông B không có yêu cầu gì khác.

Ngày 15/7/2024 TAND huyện Thanh Sơn đã tiến hành xác minh tại UBND xã T Th, nơi bà V, ông B cho rằng đã đến đăng ký kết hôn. Đại diện Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện Thanh Sơn khẳng định: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn trong 03 năm (1989, 1990, 1991) được lưu trữ tại UBND xã không có tên bà Phạm Thị Vkết hôn với ông Đinh Văn B trong các quyển sổ nói trên.

* Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ xác định, bà V, ông B kết hôn từ năm 1990 không có đăng ký kết hôn, bà V, ông B đều khẳng định chỉ chung sống với nhau vài ba năm sau ngày cưới vì mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh nên ly thân từ đó cho đến nay, nay bà Vxin ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vvà ông B.

Về con chung: Ông B, bà Vcó một con chung là Đinh Thị Th, sinh năm 1991, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Bà V, ông B đều khẳng định ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Vphải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn, bị đơn – ông Đinh Văn B có địa chỉ tại xã C Đ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cả bà Vvà ông B đều khẳng định. Bà V, ông B kết hôn năm 1990, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đến UBND xã T Thđể đăng ký kết hôn nhưng có đăng ký được hay không thì ông bà không nhớ nữa, theo kết quả xác minh tại UBND xã T Ththì hiện nay sổ sách theo dõi việc đăng ký kết hôn các năm 1989, 1990, 1991 đều không có tên bà V, ông B trong sổ đăng ký kết hôn các năm nêu trên. Sau khi kết hôn bà V, ông B chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm ở nhà ông B sau đó ông bà về nhà bố mẹ đẻ bà Vsinh sống. Do tình cảm ông bà không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đến năm 1994 thì ông B về nhà bố mẹ đẻ tại xã C Đ, huyện Thanh Sơn ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Vxác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông B. Ông B cũng hoàn toàn đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, ly hôn để giải phóng cho nhau. HĐXX nhận thấy, bà V, ông B kết hôn năm 1990 và chung sống với nhau như vợ chồng, ông bà có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*". Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*". Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Vvà ông Đinh Văn B.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị Vvà ông Đinh Văn B xác nhận ông bà có 01 con chung là chị Đinh Thị Th – Sinh ngày 24/3/1991 hiện nay chị Th đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng. Ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Bà V, ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Vphải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Như đã phân tích ở trên, xét đề nghị của Kiểm Sát Viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a,khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Vvà ông Đinh Văn B.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Vphải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Xác nhận bà Vđã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004321 ngày 23/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, nay chuyển thành án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

. Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã T Th
- Lưu HS + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Khắc Vĩnh